

Số: 650 /KH-ĐGS

Hưng Yên, ngày 21 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dạy nghề và lao động, việc làm

Thực hiện Kế hoạch hoạt động số 485/KH-BVHXXH ngày 30/12/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội (VHXXH) Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh năm 2026; Quyết định số 649/QĐ-BVHXXH ngày 21/10/2026 của Ban VHXXH về việc thành lập Đoàn giám sát, Đoàn giám sát của Ban VHXXH xây dựng Kế hoạch giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dạy nghề và lao động, việc làm cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá toàn diện tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về dạy nghề và lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh; trong đó, tập trung đánh giá về cách thức tổ chức, quản lý, hiệu quả hoạt động dạy nghề; sự liên kết giữa hoạt động dạy nghề và lao động, việc làm; các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm; ngân sách, nguồn lực, công tác xã hội hóa lĩnh vực dạy nghề, tạo việc làm...

Làm rõ những kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan. Kịp thời phát hiện những tồn tại, sai sót (nếu có) để kiến nghị các biện pháp lãnh đạo, giải pháp đồng bộ tăng cường hiệu quả hoạt động dạy nghề và lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Hoạt động giám sát đảm bảo chất lượng và hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

- Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát có trách nhiệm: Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản; nội dung báo cáo phải cụ thể, rõ ràng, minh chứng bằng số liệu, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức thực hiện nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát và những vấn đề Đoàn giám sát quan tâm; bố trí thành phần làm việc và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

II. NỘI DUNG, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIÁM SÁT

1. Nội dung giám sát

Việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dạy nghề và lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sau sáp nhập (Có đề cương kèm theo).

2. Phạm vi giám sát

- Cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.
- Giai đoạn giám sát: Từ 01/01/2025 đến thời điểm giám sát (một số nội dung các đơn vị có thể báo cáo theo giai đoạn phù hợp).

3. Đối tượng chịu sự giám sát

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Hưng Yên;
- Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm:
 - + Các trường: Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, Trường Cao đẳng Hưng Yên, Trường Trung cấp giao thông vận tải.
 - + Các Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh;
 - Trung tâm Dịch vụ việc làm Hưng Yên;
 - Một số tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đề nghị Sở Nội vụ lựa chọn **03** doanh nghiệp thực hiện chức năng giới thiệu, giải quyết việc làm; **03** doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh, gửi đề cương báo cáo kèm theo Kế hoạch này, hướng dẫn các đơn vị xây dựng báo cáo và chuẩn bị nội dung làm việc khi Đoàn giám sát trực tiếp (nếu có). Danh sách các đơn vị gửi về Đoàn giám sát **trước ngày 27/10/2026**.

4. Thời gian, địa điểm giám sát

- Thời gian: Trong Quý IV năm 2026 (*Đoàn giám sát sẽ thông báo lịch làm việc cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị*).
- Địa điểm: Tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

III. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Thành phần Đoàn giám sát: Thực hiện theo Quyết định số 649/QĐ-BVHXH ngày 21/10/2026 của Ban VHXH HĐND tỉnh.
2. Thành phần làm việc với Đoàn: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị và các phòng ban, bộ phận có liên quan (*do cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát triệu tập*).

IV. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Đoàn giám sát sẽ tiến hành làm việc trực tiếp tại trụ sở các cơ quan, đơn vị được giám sát, nghe báo cáo những nội dung giám sát, đề nghị làm rõ những vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm.
2. Trước và trong quá trình giám sát, Đoàn giám sát có thể cử chuyên viên phòng Công tác HĐND thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đến các cơ quan, đơn vị để thu thập, nghiên cứu tài liệu, làm rõ những nội dung cần thiết.

3. Kết thúc cuộc giám sát, Đoàn giám sát tổng hợp đánh giá chung, thông qua dự thảo báo cáo kết quả giám sát hoặc gửi văn bản lấy ý kiến của các thành viên Đoàn, các cơ quan, đơn vị liên quan; tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả giám sát gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đoàn giám sát

- Xây dựng lịch giám sát cụ thể gửi cơ quan, đơn vị chịu giám sát và thông báo đến các thành viên để chủ động sắp xếp thời gian, công việc tham gia đầy đủ hoạt động của Đoàn.

- Theo dõi, đôn đốc cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát gửi báo cáo và cung cấp các tài liệu có liên quan đúng thời gian theo kế hoạch này; tổ chức giám sát theo kế hoạch.

- Chủ động, tích cực thu thập, nắm bắt thông tin về nội dung giám sát; nghiên cứu các tài liệu pháp lý và báo cáo của các cơ quan, đơn vị; các thành viên Đoàn tham gia đầy đủ các buổi làm việc, tích cực trao đổi để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của cuộc giám sát.

- Dự thảo báo cáo kết quả giám sát; tổ chức lấy ý kiến tham gia của các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan; hoàn chỉnh dự thảo báo cáo và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi đến các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát

- Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung yêu cầu, gửi về Đoàn giám sát của Ban VHXXH HĐND tỉnh (*địa chỉ số 10 đường Chùa Chuông, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên*) **trước ngày 10/11/2026**; đồng thời gửi báo cáo qua hộp thư điện tử: **banvanhoaxahoihungyen@gmail.com**.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ gửi kế hoạch, đề cương, hướng dẫn các Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm Dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp là đối tượng giám sát xây dựng báo cáo; đồng thời thu, tập hợp báo cáo của các đơn vị được lựa chọn, gửi về Đoàn giám sát theo thời gian quy định. Bố trí đưa Đoàn giám sát đi thực tế tại các đơn vị.

- Chủ động phối hợp với Đoàn giám sát chuẩn bị địa điểm làm việc; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung, kế hoạch giám sát. Chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan, làm rõ các nội dung theo đề nghị để Đoàn giám sát hoàn thành nhiệm vụ với kết quả cao nhất.

3. Đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

- Chỉ đạo phòng Công tác HĐND trực tiếp tham mưu cho Đoàn giám sát về các nội dung giám sát; đôn đốc các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo đúng thời gian quy định; gửi các tài liệu có liên quan đến các thành viên và đại biểu mời tham gia Đoàn; tổng hợp và xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

- Chỉ đạo phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dạy nghề và lao động, việc làm. Đề nghị các thành phần tham gia Đoàn giám sát và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

(Chi tiết liên hệ: Bà Nguyễn Khánh Linh, Chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; SĐT: 0345.725.898)/.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh (để b/c);
- Các Ban HĐND tỉnh (để phối hợp);
- Thành phần Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị, đối tượng chịu sự giám sát;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Hưng Yên (để đưa tin);
- Các phòng: CTHĐND; HCTCQT;
- Lưu: VT; HSGS.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 21/10/2026 15:28:45

**TRƯỞNG BAN VHXXH
Nguyễn Ngọc Dư**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)*

Trên cơ sở gợi ý của đề cương; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát chung về giáo dục nghề nghiệp; quy mô trường, lớp, người học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ dạy và học.

2. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác tham mưu ban hành và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác giáo dục nghề nghiệp (*hình thức triển khai; nội dung chỉ đạo, hướng dẫn; đánh giá tính kịp thời, đồng bộ và thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện*).

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

1.2. Công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc triển khai, thực hiện.

1.3. Công tác kiểm tra về hoạt động giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

1.4. Công tác phối hợp với các sở, ngành (trong đó nhấn mạnh việc chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDNN phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện các hoạt động giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trung học).

2. Kết quả thực hiện

2.1. Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới GDNN

a) Cơ cấu mạng lưới cơ sở GDNN và quy mô đào tạo theo ngành, nghề, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở GDNN;

b) Phân bố các cơ sở GDNN theo từng vùng, từng địa phương;

c) Đội ngũ làm công tác giáo dục nghề nghiệp;

(Theo Phụ lục 2 đính kèm)

d) Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục nghề nghiệp trong các cơ sở đào tạo.

2.2. Đánh giá công tác định hướng phân luồng học sinh sau THCS, THPT, công tác tham mưu điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 theo từng năm học.

(Theo Phụ lục 3 đính kèm)

2.3. Công tác tuyển sinh

- a) Công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, khảo sát nhu cầu thị trường lao động;
- b) Quy mô, ngành nghề, hình thức tuyển sinh;
- c) Kết quả tuyển sinh (phân theo trình độ). Đánh giá công tác tuyển sinh đào tạo nghề (về số lượng, chất lượng, tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu được giao...).

2.4. Công tác đào tạo

- a) Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục nghề nghiệp trong các cơ sở đào tạo;
- b) Việc xây dựng và phát triển chương trình, giáo trình đào tạo;
- c) Việc liên kết đào tạo; gắn kết doanh nghiệp với cơ sở GDNN trong hoạt động đào tạo, tuyển dụng và sử dụng lao động qua đào tạo;
- d) Việc ứng dụng công nghệ thông tin;
- đ) Kết quả tốt nghiệp.

2.5. Công tác kiểm định chất lượng GDNN.

2.6. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ GDNN cho các nhóm đối tượng được thụ hưởng (chính sách theo quy định tại các văn bản của Trung ương, của tỉnh).

3. Việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí từ tháng 01/2025 đến nay.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- 1. Ưu điểm
- 2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
- 3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
- 4. Các giải pháp trong thời gian tới

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- 1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- 2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
- 3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
- 4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đối với Sở Nội vụ

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)*

Trên cơ sở gợi ý của đề cương; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát chung về thực trạng công tác giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Đánh giá, so sánh với giai đoạn 2021-2025.

2. Đánh giá hiệu quả của công tác giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập; dự báo tình hình trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác tham mưu ban hành và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác lao động, việc làm (*hình thức triển khai; nội dung chỉ đạo, hướng dẫn; đánh giá tính kịp thời, đồng bộ và thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện*).

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

1.2. Công tác tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, việc làm (*Số lượt tuyên truyền; hình thức tuyên truyền; đối tượng tuyên truyền,...*). Đánh giá hiệu quả tuyên truyền.

1.3. Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác lao động, việc làm (*Tổng số kinh phí được ngân sách nhà nước cấp hàng năm; Nguồn kinh phí xã hội hóa và nguồn kinh phí khác,...*).

(Theo Phụ lục 9 đính kèm)

1.4. Việc chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.

1.5. Công tác kiểm tra về hoạt động lao động, việc làm.

1.6. Đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật đối với lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện việc hướng dẫn và thực hiện các quy định của pháp luật về:

2.1. Tổ chức hoạt động của hệ thống các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp làm công tác lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh (công lập và ngoài công lập). Đánh giá hiệu quả hoạt động. Việc quản lý các tổ chức giới thiệu việc làm theo quy định của pháp luật.

2.2. Đội ngũ cán bộ làm công tác lao động, việc làm. Trong đó, đánh giá cơ cấu, số lượng, chất lượng so với quy định và nhu cầu thực tế.

2.3. Công tác giải quyết việc làm và thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội.

(Theo Phụ lục 4 đính kèm)

2.4. Công tác thu thập, khai thác và cung cấp thông tin thị trường lao động (trong đó nhấn mạnh việc thúc đẩy thị trường lao động, nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động) để xây dựng các chỉ tiêu, giải pháp tạo việc làm mới.

2.5. Việc cấp, đổi, thu hồi giấy phép lao động đối với lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh.

2.6. Thực hiện chính sách hỗ trợ tạo việc làm:

a) Theo nội dung chính sách (*chính sách tín dụng ưu đãi; chính sách hỗ trợ chuyển dịch việc làm; chính sách việc làm công; chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ...*).

b) Theo đối tượng hỗ trợ (*đối tượng đặc thù, lao động làm việc tại nhà, lao động dịch chuyển,..*).

2.7. Quản lý và sử dụng Quỹ quốc gia về việc làm (*Quy mô Quỹ, nguồn hình thành, việc bổ sung hàng năm; Số tổ chức, đơn vị, cá nhân được vay vốn; số lao động được vay vốn; tổng dư nợ cho vay, ...*). Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng.

2.8. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về giải quyết việc làm hàng năm (*Số lao động được tạo việc làm mới hàng năm; Số lượng lao động sau đào tạo nghề có việc làm, được làm đúng ngành nghề đào tạo; Kết quả chuyển dịch cơ cấu lao động,...*).

3. Việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí từ tháng 01/2025 đến nay.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)

Trên cơ sở gợi ý của đề cương, Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát chung việc thực hiện chính sách về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

2. Đánh giá, so sánh với giai đoạn 2021-2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác tham mưu ban hành và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (*hình thức triển khai; nội dung chỉ đạo, hướng dẫn; đánh giá tính kịp thời, đồng bộ và thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện*).

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

1.2. Công tác tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định của pháp luật về lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (*Số lượt tuyên truyền; hình thức tuyên truyền; đối tượng tuyên truyền, ...*). Đánh giá hiệu quả tuyên truyền.

1.3. Công tác kiểm tra về hoạt động đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

1.4. Công tác phối hợp với các sở, ngành.

1.5. Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

2. Kết quả đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn

2.1. Kết quả đào tạo nghề giai đoạn 2021-2025

- Số lượng học viên, các ngành nghề được đào tạo;
- Kết quả đào tạo nghề gắn với các mô hình sản xuất;
- Kinh phí thực hiện đào tạo;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng: hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, lao động bị thu hồi đất;

2.2. Việc phối hợp hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nông thôn

- Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm;
- Việc phát triển và nhân rộng mô hình tổ hợp tác, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và trang trại...

3. Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp giai đoạn 2026-2030.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**Đối với Sở Tài chính**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)*

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**1. Công tác tham mưu, tổ chức thực hiện**

Công tác tham mưu ban hành và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến cơ chế tài chính, định mức, giá dịch vụ, nguồn kinh phí cho GDNN và lao động, việc làm từ sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đến nay *(hình thức triển khai; nội dung chỉ đạo, hướng dẫn; đánh giá tính kịp thời, đồng bộ và thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện)*.

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Kế hoạch bố trí vốn và tiến độ các dự án đầu tư công

2.1. Việc bố trí và quản lý vốn đầu tư công cho cơ sở GDNN: kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số dự án, vốn bố trí, giải ngân, quyết toán; thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn; các dự án chậm tiến độ và nguyên nhân

2.2. Kết quả cân đối, bố trí và phân bổ ngân sách cho GDNN và lao động, việc làm (số kế hoạch, số được giao, số thực hiện, tỷ lệ giải ngân theo từng năm)

a) Kinh phí chi thường xuyên cho các cơ sở GDNN;

b) Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật, lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia có nội dung đào tạo nghề;

c) Kinh phí chính sách việc làm: tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động, sàn giao dịch việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ lao động bị mất việc;

d) Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác tín dụng chính sách giải quyết việc làm;

đ) Kinh phí hỗ trợ người học, đào tạo nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN.

2.3. Việc hướng dẫn, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, đặt hàng, giao nhiệm vụ và giá dịch vụ: kết quả phân loại mức độ tự chủ của các cơ sở GDNN công lập; việc góp ý phương án tự chủ; việc xây dựng, thẩm định đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, mức thu học phí và giá dịch vụ đào tạo; việc đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung ứng dịch vụ GDNN bằng ngân sách.

3. Công tác kiểm tra

Công tác kiểm tra xử lý vi phạm: nêu rõ số lượng, nội dung các cuộc kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản, đầu tư và đấu thầu liên quan đến GDNN,

việc làm; kết quả phát hiện và xử lý vi phạm; việc thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán. Việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan (số lượng, nội dung chủ yếu, kết quả giải quyết).

4. Công tác phối hợp với các sở, ngành

5. Việc thực hiện chính sách đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và thu hút đầu tư tạo việc làm

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HDND tỉnh)

Trên cơ sở gợi ý của đề cương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình thanh niên tỉnh Hưng Yên hiện nay (trong đó nhấn mạnh thực trạng việc làm của thanh niên).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác tham mưu ban hành và ban hành văn bản liên quan đến thực hiện chính sách về phát triển GDNN và giải quyết việc làm cho thanh niên (*hình thức triển khai; nội dung chỉ đạo, hướng dẫn; đánh giá tính kịp thời, đồng bộ và thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện*).

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

1.2. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, ý thức về học nghề, lập nghiệp, khởi nghiệp cho thanh niên (*Số lượt tuyên truyền; hình thức tuyên truyền; đối tượng tuyên truyền, ...*). Đánh giá hiệu quả tuyên truyền;

1.3. Công tác truyền thông tư vấn hướng nghiệp, học nghề, lập nghiệp, khởi nghiệp

1.4. Công tác kiểm tra;

1.5. Công tác phối hợp với các sở, ngành;

1.6. Việc bố trí kinh phí thực hiện.

(Theo Phụ lục 9 đính kèm)

2. Kết quả thực hiện việc hướng dẫn và thực hiện các quy định của pháp luật về:

2.1. Trong phối hợp hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi nghiệp;

2.2. Trong tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho thanh niên;

2.3. Trong phối hợp thực hiện chính sách đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ,...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan
- Nguyên nhân khách quan

4. Các giải pháp trong thời gian tới

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)

Trên cơ sở gợi ý của đề cương, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Hưng Yên căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm tình hình của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Hưng Yên. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chính sách về phát triển giáo dục nghề nghiệp và lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN GDNN VÀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

1. Công tác thông tin, tuyên truyền đến người dân về chính sách cho vay vốn thuộc đối tượng là sinh viên, lao động học nghề, giải quyết việc làm.

2. Công tác lập kế hoạch nhu cầu vốn đối với chương trình cho vay thuộc đối tượng là lao động học nghề.

3. Quy trình, thủ tục cho vay đối với chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động có nhu cầu vay vốn. Thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp.

4. Công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan.

5. Kết quả thực hiện

- Số lao động sau khi đào tạo được tiếp cận vay các nguồn vốn giải quyết việc làm, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh;

- Tổng số kinh phí được vay;

- Việc chấp hành các cam kết, quy định của người vay; hiệu quả sử dụng vốn vay;

6. Công tác kiểm tra việc cho vay, sử dụng vốn vay, xử lý vướng mắc, vi phạm liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan

- Nguyên nhân khách quan

4. Các giải pháp trong thời gian tới

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;

2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;

3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;

4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)

Trên cơ sở gợi ý của đề cương, các cơ sở giáo dục căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chuẩn bị báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng cho từng nội dung, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát về cơ sở GDNN, trình độ đào tạo và loại hình đào tạo tại cơ sở; cơ cấu tổ chức bộ máy và cơ chế quản trị của đơn vị.
2. Các điều kiện bảo đảm yêu cầu đào tạo nghề theo quy định (chương trình đào tạo, đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo,...).
3. Tình hình triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm của đơn vị.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương, của tỉnh liên quan đến công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm (*nêu rõ nội dung, hình thức phổ biến, quán triệt, đánh giá hiệu quả của công tác quán triệt, phổ biến các văn bản*).
2. Việc ban hành các văn bản theo quyền hạn, nhiệm vụ để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm (*số lượng, nội dung văn bản đã ban hành*).

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

III. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Công tác đào tạo nghề

1.1. Công tác tuyển sinh

- Việc xác định nhu cầu đào tạo; quy mô tuyển sinh các hệ đào tạo; cơ cấu ngành nghề đào tạo.
- Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026; năm học 2026-2027 so với chỉ tiêu được giao; chất lượng đầu vào.

1.2. Kết quả đào tạo

- Việc tổ chức đào tạo: Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, kế hoạch đào tạo của cơ sở. Công tác kiểm tra, thi, đánh giá, kiểm định...
- Kết quả học tập của học sinh, sinh viên, học viên.

(Theo Phụ lục 6 đính kèm)

- Kết quả đào tạo nghề giai đoạn 2025 - 2026

(Theo Phụ lục 7, 8 đính kèm)

1.3. Kinh phí thực hiện

(Theo Phụ lục 10 đính kèm)

2. Tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp

2.1. Tổng số người lao động qua đào tạo có việc làm/số tốt nghiệp chia theo chuyên ngành, đạt tỷ lệ (%), trong đó:

- Số người có việc làm mới trong nước, đạt % theo kế hoạch;
- Số người được đi lao động nước ngoài theo hợp đồng, đạt % theo kế hoạch;
- Số người tiếp tục học liên thông lên trình độ cao hơn;
- Số người chưa có việc làm, đạt tỷ lệ (%);
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

2.2. Hoạt động liên thông, liên kết đào tạo trong và ngoài nước; hoạt động hợp tác quốc tế; việc phối hợp, liên kết với doanh nghiệp trong hoạt động GDNN và tuyển dụng lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)*

Trên cơ sở gợi ý của đề cương, Trung tâm Dịch vụ việc làm căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chuẩn bị báo cáo bằng văn bản đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ hoạt động giám sát; đánh giá cụ thể từng nội dung và có số liệu minh chứng cho từng nội dung, tập trung vào một số nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát về đặc điểm, tình hình của đơn vị.
2. Những thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về giới thiệu, giải quyết việc làm của đơn vị.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương, của tỉnh liên quan đến công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm (*nêu rõ nội dung, hình thức phổ biến, quán triệt, đánh giá hiệu quả của công tác quán triệt, phổ biến các văn bản*).
2. Việc ban hành các văn bản theo quyền hạn, nhiệm vụ để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm (*số lượng, nội dung văn bản đã ban hành*).

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Việc thực hiện các hoạt động tư vấn (*trong đó nêu rõ số lao động được tư vấn,...*).
2. Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động
 - a) Số người đăng ký tìm việc làm
 - Số người đăng ký tìm việc làm có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên;
 - Số người đăng ký tìm việc làm được giới thiệu việc làm (*trong đó số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên*);
 - Số người được tuyển dụng do đơn vị giới thiệu (*trong đó số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên*).
 - b) Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị cung ứng/tuyển lao động (*trong đó nêu rõ số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên; số lao động đã cung ứng/tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động; số lao động cung ứng/tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng*).
 - c) Giới thiệu việc làm cho doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

d) Việc tổ chức các phiên giao dịch việc làm (trong đó nêu rõ: số phiên đã thực hiện; số doanh nghiệp tham gia phiên giao dịch việc làm; số người lao động được tư vấn tại phiên giao dịch việc làm; số người lao động được phỏng vấn tại phiên giao dịch việc làm; số người lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại phiên giao dịch việc làm,...). Đánh giá hiệu quả.

3. Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động. Kết quả thông tin thu thập được (số lượng người tìm việc, số lượng việc làm trống, liệt kê các sản phẩm phân tích dự báo đã thực hiện trong kỳ,...).

4. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (trong đó nêu rõ số người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp; số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm; số người được hỗ trợ đào tạo nghề,...).

5. Tổ chức đào tạo nghề (trong đó nêu rõ số người được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề; số người được đào tạo tìm được việc làm qua đơn vị).

6. Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Bộ Nội vụ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)

Căn cứ ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động, doanh nghiệp xây dựng báo cáo phù hợp theo gợi ý sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình

- Tên doanh nghiệp;
- Tình trạng hoạt động;
- Mã số doanh nghiệp;
- Loại hình pháp lý;
- Ngày thành lập;
- Tên người đại diện theo pháp luật;
- Địa chỉ trụ sở chính;
- Ngành nghề kinh doanh;
- Cơ cấu tổ chức của đơn vị.

2. Những thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về lao động, việc làm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Việc thực hiện các hoạt động tư vấn (trong đó nêu rõ số lao động được tư vấn; số người sử dụng lao động được tư vấn,...)

2. Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động

a) Số người đăng ký tìm việc làm

- Số người đăng ký tìm việc làm có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên;
- Số người đăng ký tìm việc làm được giới thiệu việc làm (trong đó số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên);
- Số người được tuyển dụng do đơn vị giới thiệu (trong đó số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên).

b) Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị cung ứng/tuyển lao động (trong đó nêu rõ số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên; số lao động đã cung ứng/tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động; số lao động cung ứng/tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng).

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn (trong đó nêu rõ số người được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề; số người được đào tạo tìm được việc làm qua đơn vị).

4. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (trong đó nêu rõ số người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp; số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm; số người được hỗ trợ đào tạo nghề,...).

5. Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động. Kết quả thông tin thu thập được (số lượng người tìm việc, số lượng việc làm trống, liệt kê các sản phẩm phân tích dự báo đã thực hiện trong kỳ,...).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đối với các doanh nghiệp sử dụng lao động

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 650/KH-ĐGS ngày 21/10/2026
của Đoàn giám sát của Ban VHXH HĐND tỉnh)*

Căn cứ ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động, doanh nghiệp xây dựng báo cáo phù hợp theo gợi ý sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình chung

- Tên doanh nghiệp;
- Tình trạng hoạt động;
- Mã số doanh nghiệp;
- Loại hình pháp lý;
- Ngày bắt đầu thành lập;
- Tên người đại diện theo pháp luật;
- Địa chỉ trụ sở chính;
- Ngành nghề kinh doanh;
- Cơ cấu tổ chức của đơn vị.

2. Tình hình sử dụng lao động (số liệu giai đoạn từ tháng 01/2025 đến thời điểm giám sát).

- Tổng số lao động hiện có; số lao động tăng, giảm so với năm 2025;
- Cơ cấu lao động theo trình độ (chưa qua đào tạo, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên), vị trí việc làm;
- Số lao động theo loại hợp đồng lao động (không xác định thời hạn, xác định thời hạn, thời vụ);
- Số lao động là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người cao tuổi, lao động nữ, lao động chưa thành niên;
- Tỷ lệ lao động thuộc diện đóng BHYT, BHXH, BHTN bắt buộc;
- Số lao động nước ngoài đang làm việc (có giấy phép lao động hoặc thuộc diện miễn giấy phép);
- Mức lương bình quân, thu nhập bình quân.

3. Những thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo lao động.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Việc tuyển dụng lao động

- Việc xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển dụng, điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng; việc bảo đảm bình đẳng, không phân biệt đối xử trong tuyển dụng;

- Số lao động đã tuyển trong kỳ, trong đó: tuyển trực tiếp; tuyển qua tổ chức dịch vụ việc làm (trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm); tuyển qua phiên giao dịch việc làm, các kênh khác;

- Số lao động được tuyển dụng chia theo trình độ tay nghề từ sơ cấp nghề trở lên;
- Những vị trí khó tuyển, nguyên nhân.

2. Việc giao kết, thực hiện hợp đồng lao động và đăng ký, quản lý lao động

- Việc ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản (số lượng, loại hợp đồng, tỷ lệ);
- Việc lập, quản lý sổ quản lý lao động; thực hiện khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi lao động theo quy định (đúng hạn, đầy đủ);
- Việc thực hiện chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, các chế độ phúc lợi.

3. Việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN

- Số lao động thuộc diện tham gia, số đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp; tình hình đóng, nợ đóng (nếu có);
- Việc hướng dẫn, hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động làm thủ tục, xác nhận, chốt sổ để hưởng bảo hiểm thất nghiệp; việc thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định;
- Số lao động đã nghỉ việc, mất việc làm trong kỳ (trong đó số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp, nếu nắm được);
- Việc đề nghị và thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (nếu có).

4. Việc sử dụng lao động là người nước ngoài (nếu có)

- Việc xác định nhu cầu, giải trình, xin cấp, gia hạn giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép;
- Số lao động nước ngoài, vị trí việc làm; việc bảo đảm đào tạo, chuyển giao công nghệ cho lao động Việt Nam.

5. Việc sử dụng một số nhóm lao động đặc thù (lao động là người khuyết tật, người cao tuổi, lao động nữ, lao động chưa thành niên, người dân tộc thiểu số...) và việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các nhóm này.

6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động

7. Đảm bảo an toàn vệ sinh cho lao động

8. Việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức dịch vụ việc làm

- Việc cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, vị trí việc làm trống cho trung tâm dịch vụ việc làm, cơ quan quản lý lao động;
- Việc tham gia phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm; hợp tác với cơ sở GDNN, trường học trong tuyển dụng;
- Hiệu quả của việc sử dụng dịch vụ việc làm do các tổ chức dịch vụ việc làm cung ứng (số lao động, mức độ đáp ứng yêu cầu, những vướng mắc).

9. Việc cung cấp thông tin, tham gia hệ thống thông tin thị trường lao động

- Việc báo cáo, cung cấp thông tin về nhu cầu, biến động lao động theo quy định (kỳ báo cáo, việc cập nhật dữ liệu lên hệ thống);
- Số vị trí việc làm trống, nhu cầu tuyển dụng trong kỳ và dự báo nhu cầu lao động trong thời gian tới.

10. Việc ngăn ngừa, giải quyết tình trạng mất việc, cắt giảm lao động

- Các trường hợp cắt giảm lao động, thay đổi cơ cấu, công nghệ, nguyên nhân, số lượng người bị ảnh hưởng;
- Việc xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động, bố trí lại việc làm, đào tạo lại, giải quyết quyền lợi cho người lao động theo quy định.

11. Các kết quả khác (nếu có)

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm
2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
 - Nguyên nhân chủ quan
 - Nguyên nhân khách quan
4. Các giải pháp trong thời gian tới

V. Kiến nghị, đề xuất

1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
2. Với các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
3. Với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã;
4. Kiến nghị đề xuất khác.